

Họ và tên: .....

Lớp: .....

## Toán 4- Bài 18: Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông

### Phần I. Trắc nghiệm

**Câu 1.** Chọn số đo có diện tích bé nhất trong các số đo sau:  $4\text{m}^2$ ;  $9\text{dm}^2$ ;  $2\text{cm}^2$ ;  $83\text{mm}^2$ .

- A.  $9\text{dm}^2$                       B.  $2\text{cm}^2$                       C.  $4\text{m}^2$                       D.  $83\text{mm}^2$

**Câu 2.** Chọn số đo có diện tích bé nhất trong các số đo sau:  $5\text{m}^2$ ;  $8\text{dm}^2$ ;  $1\text{cm}^2$ ;  $169\text{mm}^2$ .

- A.  $169\text{mm}^2$                       B.  $8\text{dm}^2$                       C.  $5\text{m}^2$                       D.  $1\text{cm}^2$

**Câu 3.** So sánh các số đo diện tích sau và chọn số đo lớn nhất:  $5\text{dm}^2$ ;  $2\,755\,832\text{mm}^2$ ;  $7\text{cm}^2$ ;  $7\text{m}^2$ .

- A.  $5\text{dm}^2$                                               B.  $2\,755\,832\text{mm}^2$   
C.  $7\text{cm}^2$                                               D.  $7\text{m}^2$

**Câu 4.** Phát biểu nào dưới đây đúng về quan hệ quy đổi đơn vị đo diện tích?

- A.  $1\text{mm}^2 = 100\text{cm}^2$                                               B.  $1\text{cm}^2 = 10\,000\text{mm}^2$   
C.  $1\text{cm}^2 = 1000\text{mm}^2$                                               D.  $1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$

**Câu 5.** So sánh các số đo diện tích sau và chọn số đo lớn nhất:  $8\text{m}^2$ ;  $8\text{dm}^2$ ;  $4\text{cm}^2$ ;  $8\,724\,044\text{mm}^2$ .

- A.  $8\text{m}^2$                                               B.  $8\text{dm}^2$   
C.  $4\text{cm}^2$                                               D.  $8\,724\,044\text{mm}^2$

### Phần II. Tự luận

**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ trống.

- a)  $8\text{m}^2 = \dots\dots \text{dm}^2$                                               b)  $1\text{m}^2 = \dots\dots \text{dm}^2$   
c)  $6\text{dm}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$                                               d)  $2\text{m}^2 = \dots\dots \text{dm}^2$   
e)  $8\text{dm}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$                                               f)  $5\text{cm}^2 = \dots\dots \text{mm}^2$   
g)  $4\text{cm}^2 = \dots\dots \text{mm}^2$                                               h)  $2\text{cm}^2 = \dots\dots \text{mm}^2$

**Bài 2.** Tính các phép chia số đo diện tích sau.

- a)  $8996\text{mm}^2 : 4 = \dots\dots \text{mm}^2$                                               b)  $32\,166\text{cm}^2 : 9 = \dots\dots \text{cm}^2$   
c)  $81\,530\text{m}^2 : 2 = \dots\dots \text{m}^2$                                               d)  $38\,076\text{dm}^2 : 3 = \dots\dots \text{dm}^2$

**Bài 3.** Điền số thích hợp để mỗi đẳng thức về diện tích đúng.

- a)  $5\text{cm}^2 = \dots\dots \text{mm}^2$                                               b)  $\dots\dots \text{m}^2 = 500\text{dm}^2$   
c)  $4\text{m}^2 = \dots\dots \text{cm}^2$                                               d)  $\dots\dots \text{dm}^2 = 400\text{cm}^2$

**Bài 4.** Ghép mỗi tên đơn vị đo diện tích với kí hiệu phù hợp.



**Bài 5.** Đọc bài toán và trình bày bài giải.

Hợp tác xã có một mảnh vườn hình chữ nhật trồng rau ngót. Mảnh vườn có chiều dài 29m và chiều rộng 6m. Biết rằng mỗi mét vuông thu hoạch được 3 kg rau. Tính số ki-lô-gam rau thu hoạch được trên mảnh vườn đó.

**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

**Bài 6.** Trình bày lời giải cho bài toán sau.

Bề mặt của một tấm bảng lớp nhỏ có dạng hình chữ nhật. Chiều dài là 22dm, chiều rộng là 9dm. Em hãy tính diện tích bề mặt đó.

**Bài giải**

.....

.....

.....

**Bài 7.** Đọc bài toán và trình bày bài giải.

Gia đình bác nam có một mảnh vườn hình chữ nhật trồng rau cải. Mảnh vườn có chiều dài 12m và chiều rộng 6m. Biết rằng mỗi mét vuông thu hoạch được 6 kg rau. Tính số ki-lô-gam rau thu hoạch được trên mảnh vườn đó.

### Bài giải

.....

.....

.....

.....

**Bài 8.** Quan sát mỗi hình chữ nhật và điền số thích hợp vào chỗ trống.

a)



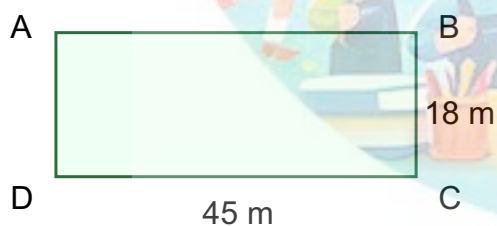
Diện tích hình chữ nhật là ..... mm<sup>2</sup>.

b)



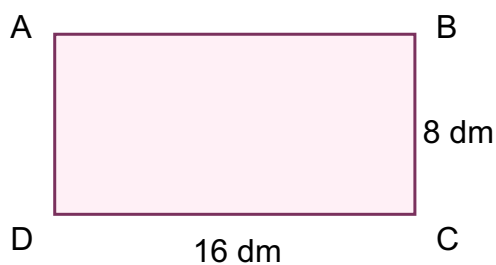
Diện tích hình chữ nhật là ..... cm<sup>2</sup>.

c)



Diện tích hình chữ nhật là ..... m<sup>2</sup>.

d)



Diện tích hình chữ nhật là ..... dm<sup>2</sup>.

**Bài 9.** Tính các phép tính sau.

- a)  $20\,004\text{cm}^2 \times 2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$
- b)  $15\,579\text{cm}^2 \times 4 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$
- c)  $2875\text{cm}^2 \times 9 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$
- d)  $13\,888\text{cm}^2 \times 6 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

**Bài 10.** Viết các số đo diện tích sau bằng số và kí hiệu đơn vị.

- a) Bảy trăm tám mươi chín mi-li-mét vuông: .....
- b) Một nghìn ba trăm năm mươi bảy mét vuông: .....
- c) Năm đề-xi-mét vuông: .....
- d) Hai trăm năm mươi sáu đề-xi-mét vuông: .....

**Bài 11.** Một phòng sinh hoạt hình chữ nhật có chiều dài 39dm và chiều rộng 21dm. Người ta lát kín nền phòng đó bằng các viên gạch lát nền hình vuông cạnh 3dm. Tính số viên gạch cần dùng để lát kín nền phòng.

Trình bày các bước tính số viên gạch cần dùng.

**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

